

Bản án số: 136/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 19/3/2021  
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*  
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà;*  
*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai;*  
**Ông Dương Xuân Đỉnh.**  
*Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.*  
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị*  
**Tám - Kiểm sát viên.**

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021.

**Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1997.  
Hộ khẩu thường trú: Thôn Lỗ K, xã Liên H, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Thôn Phúc H, xã Dục T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh **Hoàng Đức D**, sinh năm 1988.  
Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Lỗ K, xã Liên H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị M;  
Vắng mặt: Anh D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị M và anh Hoàng Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên H, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 07/7/2015. Sau khi kết hôn, chị M, anh D cùng chung sống tại thôn Lỗ K, xã Liên H, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung

sống vợ chồng bình thường, hòa thuận đến tháng 12/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Chị M lấy chồng khi mới đủ 18 tuổi và chị vẫn muốn đi học nâng cao kiến thức nhưng gia đình nhà chồng không ủng hộ nên chị đã cố gắng ở nhà làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ suốt 05 năm qua. Khi sinh nở xong, chị có đề cập chuyện muốn quay lại đi học thì gia đình nhà chồng kiên quyết phản đối và anh D còn đuổi chị ra khỏi nhà. Vì bất đồng này mà vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã và mất dần tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải, động viên nhưng không thành. Do đó, vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Chị M đã về nhà mẹ đẻ chị ở Phúc H, Dục T, Đ, Hà Nội để ở. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- **Về con chung:** Chị M, anh D có 02 con chung là Hoàng Khang L, sinh ngày 10/3/2016 và Hoàng Nhật K1, sinh ngày 31/3/2019. Hiện nay, cháu L đang ở với anh D tại thôn Lỗ K, xã Liên H, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Cháu K1 ở với chị M tại thôn Phúc H, xã Dục T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Nhật K1, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Khang L. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung:** Chị M đã được Tòa án giải thích pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với vấn đề tài sản nhưng chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Hoàng Đức D trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh D, chị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên H, Đ, Hà Nội vào ngày 07/7/2015. Sau khi kết hôn, anh chị cùng chung sống tại thôn Lỗ K, xã Liên H, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, hay cãi nhau vặt. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau. Anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh D không đồng ý.

- **Về con chung:** Anh D, chị M có 02 con chung là Hoàng Khang L, sinh ngày 10/3/2016 và Hoàng Nhật K1, sinh ngày 31/3/2019. Hiện nay cả hai cháu L, cháu K1 đang ở cùng với anh tại thôn Lỗ K, xã Liên H, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Ly hôn, anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu L, cháu K1 và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Anh D hiện đang làm kinh doanh, thu nhập vào khoảng 30.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện chăm sóc con.

- **Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung :** Anh D đã được Tòa án giải thích pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ của anh đối với vấn đề tài sản nhưng anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương: Anh D, chị M kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Liên H, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Địa phương không rõ về mâu thuẫn, có tài sản chung, nợ chung của anh chị.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị M giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D. Về con chung: Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Nhật K1, để anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Khang L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Hiện tại cháu L đang ở với bố, cháu K1 đang ở với mẹ. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

**Về tố tụng:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:**

Đề nghị Tòa án tuyên :

- + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.
- + Về con chung: Giao cháu Hoàng Nhật K1 cho chị M nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Khang L cho anh D nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh chị có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.
- + Về án phí: Vụ án áp dụng án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về tố tụng:** Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật dân sự. Anh D có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đ, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Hoàng Đức D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh D vắng mặt. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập

hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị M, anh D kết hôn ngày 07/7/2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên H, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà Xuân mẹ đẻ của anh D cũng khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M, anh D đã trầm trọng và kéo dài, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Chị M đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Anh D không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị M. Chị M kiên quyết ly hôn, anh D không đồng ý.

Tuy xác định vẫn còn tình cảm với chị Mai nhưng bản thân anh D không có hành động cụ thể thiện chí nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh về quan hệ hôn nhân gia đình do và Nguyễn Thị Xuân- mẹ đẻ anh D cung cấp cũng thể hiện anh chị có mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà Xuân nhất trí việc chị Mai yêu cầu ly hôn anh D. Như vậy, mâu thuẫn của chị M, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không được, chị M yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị M và anh D có 02 con chung là Hoàng Khang L, sinh ngày 31/3/2016 và Hoàng Nhật K1, sinh ngày 10/3/2019. Hiện tại cháu L đang ở cùng anh D, cháu K1 đang ở với chị M. Chị M có nguyện vọng được nuôi cháu Hoàng Nhật K1, để anh D nuôi cháu Hoàng Khang L. Anh D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét thấy, cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung, nguyện vọng của anh chị là chính đáng. Tuy nhiên, giao con chung cho ai nuôi cần xem xét đến điều kiện nuôi con và nguyện vọng của con chung.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh D, chị M, nhận thấy: Chị M hiện đang làm giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định từ khoảng 8.000.000 đến 9.000.000 đồng/ tháng, thể hiện qua bảng lương chị nộp tại Tòa án, hiện chị M đang ở trên đất của ông Nguyễn Sỹ Viêm bà Phạm Thị An (là ông bà nội của chị) tại thôn Phúc H, xã Dục T, huyện Đ, TP Hà Nội. Trình bày tại Tòa án, ông Nguyễn Sỹ Viêm, bà Phạm Thị An đồng ý cho chị ở nhờ và giúp chị chăm sóc con. Anh D làm kinh doanh tự do, theo anh khai mức thu nhập khoảng 30.000.000 đồng/tháng. Anh D đang sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh tại Lỗ K, Liên H, Đ, Hà Nội, anh D cũng được tạo điều kiện về nơi ở để chăm sóc con chung.

Như vậy, về điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh chị là ngang nhau. Chị M, anh D đều không vi phạm nghĩa vụ của người làm cha mẹ. Do vậy, xét giao con cho ai nuôi cần tuân theo quy định của pháp luật. Theo quy định của điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì con dưới 36 tháng giao cho mẹ nuôi dưỡng. Cháu Hoàng Nhật K1, sinh ngày 10/3/2019 được 24 tháng tuổi nên giao cho Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Hoàng Khang L, sinh ngày 31/3/2016 (6 tuổi giao) cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

Chị M, anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M, anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Chị M, anh D không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[3]**Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]**Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M với anh Hoàng Đức D, cho chị M được ly hôn với anh D.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Nhật K1, sinh ngày 10/3/2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Khang L, sinh ngày 31/3/2016 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung của anh chị đủ 18 hoặc khi Tòa án có quyết định khác. Chị M, anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị M, anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Chị M, anh D khẳng định không có tài sản chung và không yêu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0008657 ngày 28/12/2020. Chị M đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

### ***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã Liên H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

